

Vật lý 9

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 7
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ
NGUYỄN THỊ THẬP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Quận 7, ngày 29 tháng 10 năm 2021

NỘI DUNG HỌC SINH HỌC TẬP TRONG TUẦN LỄ 9 và 10

TỪ 01/11/2021 ĐẾN 13/11/2021

Môn: Vật Lý 9

A. NỘI DUNG HỌC TẬP

NỘI DUNG HỌC SINH TÌM HIỂU	BÀI HỌC
Sử dụng Tài liệu dạy học Vật lý 9 điện tử qua link: https://hocmai.vn/kho-tai-lieu/read.php?id=2260 *Khi đọc tài liệu yêu cầu: • Nghiên cứu tài liệu từ trang 71 tới trang 74 • Chú ý: ý nghĩa giá định mức của các dụng cụ điện • Nhớ lại công thức công suất và công của dòng điện học ở chủ đề 8 và 9 • Đáp số: a. $R_b = 6 \Omega$ b. $H = 67 \%$	TUẦN 9 (tiết 1) Chủ đề 10: Bài tập về công và công suất điện Bài 1: Một bóng đèn sợi đốt, trên đèn có ghi 6 V – 3 W. Để đèn sáng bình thường khi nối với nguồn điện có hiệu điện thế $U = 9$ V, người ta mắc thêm vào mạch điện một biến trở. a) Vẽ sơ đồ mạch điện và tính trị số R_b của biến trở. b) Cho biết công suất điện tiêu thụ của đèn là công suất có ích, công suất tiêu thụ của biến trở là công suất hao phí, hiệu suất H của mạch điện là tỉ số giữa công suất có ích và công suất tiêu thụ của toàn mạch. Tìm H. → Gọi ý: a. Đèn và biến trở mắc nối tiếp (R_d nt R_b) $\rightarrow$ công thức mạch song song Hiệu điện thế giữa hai đầu biến trở: $U_b = U - U_d = \dots$ Đèn sáng bình thường nên $\varphi_d = \dots$ và $U_d = \dots$ Cường độ dòng điện qua biến trở: $I = \frac{\varphi_d}{U_d} = \dots$ Trị số của biến trở: $R_b = \frac{U_b}{I} = \dots$ b. Công suất có ích (công suất đèn): $\varphi_i = \varphi_d = 3 \text{ W}$ Công suất toàn mạch (công suất đèn và công suất biến trở): $\varphi_{tp} = \varphi_d + \varphi_b = U \cdot I =$ Hiệu suất của mạch điện: $H = \frac{\varphi_i}{\varphi_{tp}} = \dots$ Bài 2: Một hộ gia đình sử dụng các thiết bị như bảng sau:

Vật lí 9

- **Giới thiệu về CB:** Biết CB là viết tắt của chữ Circuit Breaker trong tiếng Anh. Còn tiếng Liên Xô có nghĩa là Aptomat. Được gọi theo cách phổ thông tại Việt Nam thì đây là cầu dao tự động. Nó là thiết bị bảo vệ mạch điện khi xảy ra sự cố. Chức năng của nó là **ngắt dòng điện có cường độ cao hơn** mức quy định trong hệ thống điện, thường gây ra bởi vấn đề quá tải, ngắn mạch, sụt áp,...



- **Đáp số:**
a. 51 kW.h; 91800 đồng
b. 15 A

Cho rằng các thiết bị điện đều sử dụng nguồn điện có hiệu điện thế là 220V và giá 1kW.h điện là 1800 đồng.

Thiết bị điện	Công suất định mức	Thời gian sử dụng trong 1 ngày
Đèn sợi đốt	60 W	5 h
Nồi cơm điện	600 W	30 min
Bếp điện	1200 W	45 min
Bàn ủi	800 W	15 min

a) Trong một tháng (30 ngày) số đếm của công tơ điện tăng thêm bao nhiêu và giá tiền điện phải trả là bao nhiêu? Tiền điện phải trả cho thiết bị nào là lớn nhất?

b) Nên chọn cái CB ở mạch chính có cường độ dòng điện ngắt mạch là bao nhiêu: 5A, 10A, 15A hay 20A?

→ **Gợi ý:**

a. $T_{1kW.h} = 1800$ đồng

- Công thức tính điện năng tiêu thụ: $A = \varphi . t$

***Chú ý:** Đưa đơn vị A về kW.h

+ Tính điện năng tiêu thụ của các thiết bị điện trong một ngày: A_1

+ Tính điện năng tiêu thụ của các thiết bị điện trong một tháng (30 ngày): A_{30}

+ Số đếm công tơ điện tăng là tổng điện năng tiêu thụ của các thiết bị điện: A

+ Tiền điện phải trả: $T = T_{1kW.h} . A$

b. – Công thức tính công suất tiêu thụ: $\varphi = U . I \rightarrow I = \varphi / U$

→ GV hướng dẫn HS xây dựng công thức tính I của các thiết bị điện khi chúng mắc song song:

$$I = I_1 + I_2 + \dots + I_n = \frac{\varphi_1 + \varphi_2 + \dots + \varphi_n}{U}$$

(Vì mắc // nên $U_1 = U_2 = \dots = U_n = U$)

→ Chọn CB phù hợp...

TUẦN 9 (tiết 2)

Chủ đề 11: Sử dụng an toàn và tiết kiệm điện (tự học)

***Chú ý:** Thay thế nội dung bằng tiết luyện tập

Vật lí 9

PHẦN VẬN DỤNG	Phiếu học tập đính kèm phía dưới (ôn lại để tuần 10 kiểm tra tập trung)
	TUẦN 10 KIỂM TRA TẬP TRUNG GIỮA HỌC KÌ I NĂM HỌC 2020 – 2021

PHIẾU HỌC TẬP

ĐỀ CƯƠNG KIỂM TRA GIỮA HKI VẬT LÍ 9

Câu 1: Khi đặt một hiệu điện thế U vào hai đầu một điện trở R thì dòng điện chạy qua nó có cường độ là I . Hệ thức nào dưới đây biểu thị định luật Ôm?

A. $U = \frac{I}{R}$

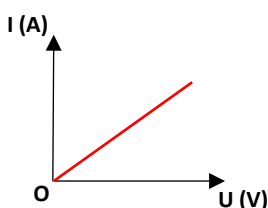
B. $I = \frac{U}{R}$

C. $I = \frac{R}{U}$

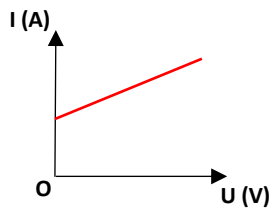
D. $R = \frac{U}{I}$

Câu 2: Học sinh vẽ đồ thị sau khi làm thí nghiệm xác định mối quan hệ giữa cường độ dòng điện và hiệu điện thế đặt vào hai đầu dây dẫn. Đồ thị nào vẽ đúng?

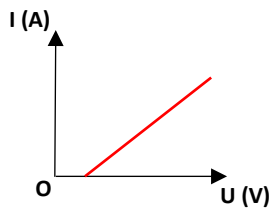
A.



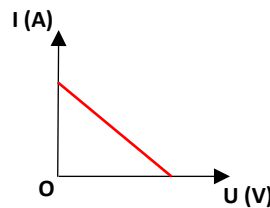
B.



C.



D.



Câu 3: Đơn vị nào dưới đây là đơn vị đo điện trở?

A. Ôm (Ω)

B. mili ôm ($m\Omega$)

C. kilo ôm ($k\Omega$)

D. Cả 3 đáp án trên

Câu 4: Chọn từ thích hợp điền vào chỗ chấm:

..... của dây dẫn càng lớn thì dòng điện bị cản trở càng nhiều.

A. Hiệu điện thế

B. Cường độ dòng điện

C. Điện trở

D. A và B đều đúng

Câu 5: Để tìm hiểu sự phụ thuộc của điện trở dây dẫn vào chiều dài dây dẫn, cần phải xác định và so sánh điện trở của các dây dẫn có những đặc điểm nào?

A. Các dây dẫn này phải có cùng tiết diện, được làm từ cùng một vật liệu nhưng có chiều dài khác nhau.

B. Các dây dẫn này phải có cùng chiều dài, được làm từ cùng một vật liệu nhưng có tiết diện khác nhau.

C. Các dây dẫn này phải có cùng chiều dài, cùng tiết diện nhưng được làm bằng các vật liệu khác nhau.

D. Các dây dẫn này phải được làm từ cùng một vật liệu nhưng có chiều dài và tiết diện khác nhau.

Vật lí 9

Câu 6: Hai đoạn dây bằng đồng, cùng chiều dài có tiết diện và điện trở tương ứng là S_1, R_1 và S_2, R_2 . Hệ thức nào dưới đây là đúng?

- A. $\frac{S_1}{S_2} = \frac{R_2}{R_1}$ B. $\frac{S_1}{S_2} = \frac{R_1}{R_2}$ C. $\frac{S_1}{R_1} = \frac{R_2}{S_2}$ D. Cả ba hệ thức trên đều sai

Câu 7: Hai dây dẫn được làm từ cùng một vật liệu có cùng tiết diện, có chiều dài và điện trở lần lượt là l_1, R_1 và l_2, R_2 . Hệ thức nào sau đây đúng:

- A. $\frac{l_1}{l_2} = \frac{R_2}{R_1}$ B. $\frac{l_1}{R_2} = \frac{l_2}{R_1}$ C. $\frac{l_1}{l_2} = \frac{R_1}{R_2}$ D. Cả ba hệ thức trên đều đúng

Câu 8: Công thức tính điện trở R của một dây dẫn có tiết diện S , chiều dài l và điện trở suất ρ là:

- A. $R = l \cdot \frac{S}{\rho}$ B. $R = \rho \cdot \frac{S}{l}$ C. $R = \frac{l}{\rho \cdot S}$ D. $R = \rho \cdot \frac{l}{S}$

Câu 9: Công thức nào sau đây là công thức tính điện trở tương đương của mạch gồm hai điện trở mắc nối tiếp?

- A. $R_{td} = \frac{1}{R_1} + \frac{1}{R_2}$ B. $R_{td} = R_1 + R_2$ C. $\frac{1}{R_{td}} = \frac{1}{R_1} + \frac{1}{R_2}$ D. $R_{td} = \frac{R_1 \cdot R_2}{R_1 + R_2}$

Câu 10: Đặt một hiệu điện thế U_{AB} vào hai đầu đoạn mạch gồm hai điện trở R_1 và R_2 mắc song song. Hiệu điện thế giữa hai đầu mỗi điện trở tương ứng là U_1, U_2 . Hệ thức nào dưới đây là đúng?

- A. $R_{td} = R_1 + R_2$ B. $I_{AB} = I_1 = I_2$ C. $\frac{I_1}{I_2} = \frac{R_2}{R_1}$ D. $U_{AB} = U_1 + U_2$

Câu 11: Một bóng đèn lúc thấp sáng có điện trở 10Ω cường độ dòng điện chạy qua dây tóc bóng đèn là $0,5 \text{ A}$. Hiệu điện thế giữa hai đầu dây tóc bóng đèn khi đó:

- A. 20 V B. 50 V C. 5 V D. 200 V

Câu 12: Hai dây dẫn bằng đồng có cùng tiết diện, dây thứ nhất có điện trở là 2Ω và có chiều dài là 10 m , dây thứ hai có chiều dài là 30 m . Điện trở của dây thứ hai:

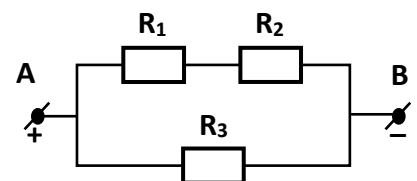
- A. 4Ω B. 3Ω C. 5Ω D. 6Ω

Câu 13: Điện trở tương đương của đoạn mạch gồm hai điện trở $R_1 = 15 \Omega; R_2 = 10 \Omega$ mắc song song là:

- A. 6Ω B. 25Ω C. 60Ω D. $2,4 \Omega$

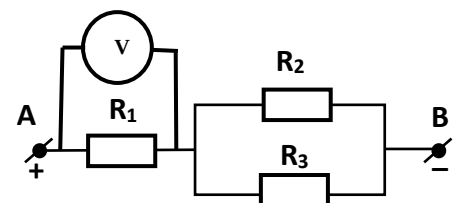
Câu 14: Cho mạch điện có sơ đồ như hình dưới, trong đó các điện trở $R_1 = 5 \Omega, R_2 = 15 \Omega$ và $R_3 = 5 \Omega$. Tính điện trở tương đương của đoạn mạch AB:

- A. 20Ω B. 25Ω
C. 10Ω D. 4Ω



Câu 15: Cho mạch điện có sơ đồ như hình dưới, trong đó các điện trở $R_1 = 14 \Omega, R_2 = 8 \Omega$ và $R_3 = 24 \Omega$. Dòng điện đi qua R_2 có cường độ là $I_2 = 0,3 \text{ A}$. Số chỉ của vôn kế là:

- A. $5,6 \text{ V}$ B. $12,8 \text{ V}$
C. 8 V D. 6 V



Vật lí 9

Câu 16: Một dây dẫn điện có điện trở là $5\ \Omega$ được cắt làm ba đoạn theo tỉ lệ $2 : 3 : 5$. Điện trở của mỗi đoạn dây sau khi cắt lần lượt là:

A. $1,0\ \Omega$; $1,5\ \Omega$; $2,5\ \Omega$

B. $0,75\ \Omega$; $1,25\ \Omega$; $3\ \Omega$

C. $1\ \Omega$; $1,25\ \Omega$; $2,75\ \Omega$

D. $0,75\ \Omega$; $1\ \Omega$; $3,25\ \Omega$

Câu 17: Một dây dẫn bằng nicrom dài $l = 15\text{ m}$, tiết diện $S = 0,3 \cdot 10^{-6}\text{ m}^2$ được mắc vào hai điểm có hiệu điện thế 220 V . Cho biết điện trở suất của nicrom bằng $\rho = 1,1 \cdot 10^{-6}\ \Omega\cdot\text{m}$. Cường độ dòng điện chạy qua dây dẫn có giá trị là:

A. 2 A

B. 4 A

C. 6 A

D. 8 A

Câu 18: Một cuộn dây dẫn điện bằng đồng có điện trở suất $\rho = 1,7 \cdot 10^{-8}\ \Omega\cdot\text{m}$; độ dài 200 m ; khối lượng 4450 g . Cho biết khối lượng riêng của đồng là 8900 kg/m^3 . Tìm điện trở của dây:

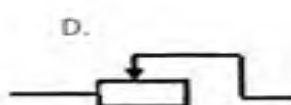
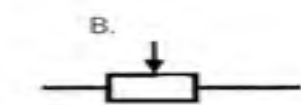
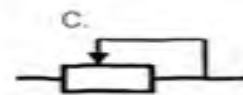
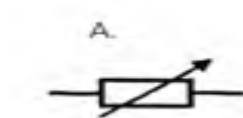
A. $1,8\ \Omega$

B. $2\ \Omega$

C. $1,36\ \Omega$

D. Không tính được vì thiếu tiết diện S

Câu 19: Biến trở không có kí hiệu trong hình vẽ nào dưới đây?



Câu 20: Phát biểu nào sau đây về biến trở là **không đúng**?

A. Biến trở là điện trở có thể thay đổi trị số.

B. Biến trở là dụng cụ có thể dùng để thay đổi cường độ dòng điện.

C. Biến trở là dụng cụ có thể được dùng để thay đổi hiệu điện thế giữa hai đầu dụng cụ điện.

D. Biến trở là dụng cụ có thể được dùng để đổi chiều dòng điện trong mạch.

Câu 21: Trong ba hình biến trở dưới đây, đâu là biến trở con chạy?



H1



H2



H3

A. Hình H1

B. Hình H2

C. Hình H3

D. Hình H1, H2 và H3

Câu 22: Trên biến trở có ghi $30\ \Omega$. Con số này có ý nghĩa gì?

A. Trị số điện trở của biến trở là $30\ \Omega$

Vật lí 9

B. Trị số điện trở để biến trở hoạt động bình thường là $30\ \Omega$

C. Trị số điện trở nhỏ nhất của biến trở là $30\ \Omega$

D. Trị số điện trở lớn nhất của biến trở là $30\ \Omega$

Câu 23: Thiết bị biến đổi điện năng thành nhiệt năng có ích là:

A. tàu điện

B. máy sấy tóc

C. quạt điện

D. máy khoan điện

Câu 24: Năng lượng của dòng điện gọi là:

A. Nhiệt năng

B. Quang năng

C. Điện năng

D. Cơ năng

Câu 25: Sử dụng loại đèn nào dưới đây sẽ tiêu thụ điện năng (hao phí) nhiều nhất?

A. Đèn compac

B. Đèn sợi đốt

C. Đèn LED (điốt phát quang)

D. Đèn ống (đèn huỳnh quang)

Câu 26: Công suất điện cho biết:

A. khả năng thực hiện công của dòng điện.

B. năng lượng của dòng điện.

C. lượng điện năng sử dụng trong một đơn vị thời gian.

D. mức độ mạnh - yếu của dòng điện.

Câu 27: Công thức liên hệ công suất P của dòng điện, cường độ dòng điện I , trên một đoạn mạch giữa hai đầu có hiệu điện thế U là:

A. $P = U.I$

B. $P = \frac{U}{I}$

C. $P = \frac{I}{U}$

D. $P = \frac{U^2}{I}$

Câu 28: Trên bàn là có ghi $220\text{ V} - 1100\text{ W}$. Khi bàn là này hoạt động bình thường thì nó có điện trở là bao nhiêu?

A. $0,2\ \Omega$

B. $5\ \Omega$

C. $44\ \Omega$

D. $5500\ \Omega$

Câu 29: Chọn phát biểu đúng về sự chuyển hóa năng lượng trong các dụng cụ dưới đây?

A. Đèn LED: Quang năng biến đổi thành nhiệt năng.

B. Nồi cơm điện: Nhiệt năng biến đổi thành điện năng.

C. Quạt điện: Điện năng biến đổi thành cơ năng và nhiệt năng.

D. Máy bơm nước: Cơ năng biến đổi thành điện năng và nhiệt năng.

Câu 30: Một khu dân cư có 500 hộ gia đình, trung bình mỗi hộ sử dụng 4 giờ một ngày với công suất điện 120 W. Tính điện năng mà khu dân cư này sử dụng trong 30 ngày.

A. 7200 kW.h

B. 3600 kW.h

C. 1800 kW.h

D. 4800 kW.h

Câu 31: Dòng điện có cường độ 0,2 A chạy qua một điện trở $3\ \Omega$ trong thời gian 10 phút thì nhiệt lượng toả ra ở điện trở này có giá trị nào dưới đây?

A. $Q = 72\text{ J}$

B. $Q = 60\text{ J}$

C. $Q = 120\text{ J}$

D. $Q = 3600\text{ J}$

Câu 32: Trên bóng đèn có ghi $220\text{ V} - 14\text{ W}$. Các giá trị này có tên gọi là gì?

A. $220\text{ V} - 14\text{ W}$ lần lượt là hiệu điện thế và công suất

Vật lí 9

B. 220 V – 14 W lần lượt là hiệu điện thế định mức và công suất định mức

C. 220 V – 14 W lần lượt là hiệu điện thế và công suất khi đèn hoạt động

D. 220 V – 14 W lần lượt là công suất và hiệu điện thế định mức

Câu 33: Trong cuộc sống, điện năng tiêu thụ được đo bằng đơn vị nào?

A. J

B. W

C. kW.h

D. kJ

Câu 34: Trong cuộc sống, điện năng tiêu thụ của mạng điện gia đình được đo bằng thiết bị nào?

A. Điện kế (công tơ điện)

B. Ampe kế

C. Vôn kế

D. Ôm kế

Câu 35: Một bếp điện ghi 220 V – 1600 W. Bếp hoạt động bình thường mỗi ngày 1,5 h. Cho rằng giá tiền điện trung bình của 1 kW.h là 1800 đồng. Hãy tính tiền điện phải trả cho bếp trong 1 tháng (30 ngày)?

A. 4320 đồng

B. 86400 đồng

C. $1296 \cdot 10^5$ đồng

D. 129600 đồng

Câu 36: Các giá trị định mức được ghi trên mỗi dụng cụ dùng điện (ví dụ bóng đèn sợi đốt có ghi 12 V – 6 W) có ý nghĩa là:

A. Khi hiệu điện thế đặt vào dụng cụ dùng điện bằng hiệu điện thế định mức thì dụng cụ đó hoạt động bình thường và có công suất điện lớn hơn công suất định mức.

B. Khi hiệu điện thế đặt vào dụng cụ dùng điện bằng hiệu điện thế định mức thì dụng cụ đó hoạt động bình thường và có công suất điện bằng công suất định mức.

C. Khi hiệu điện thế đặt vào dụng cụ dùng điện lớn hơn hiệu điện thế định mức thì dụng cụ đó hoạt động bình thường và có công suất điện bằng công suất định mức.

D. Khi hiệu điện thế đặt vào dụng cụ dùng điện bằng hiệu điện thế định mức thì dụng cụ đó hoạt động không bình thường và có công suất điện bằng công suất định mức.

Câu 37: Một nồi cơm điện hoạt động trong 30 phút ở hiệu điện thế 220 V. Cho biết cường độ dòng điện qua nồi là 0,4 A. Điện năng tiêu thụ của nồi cơm điện là:

A. 158400 J

B. 0,044 kW.h

C. Cả A và B đều đúng

D. Cả A và B đều sai

Câu 38: Một bếp điện hoạt động bình thường với hiệu điện thế 220 V. Trong 2 h chỉ có bếp điện là dụng cụ điện duy nhất hoạt động thì thấy số chỉ công tơ tăng từ 1038,3 lên 1041,6. Cường độ dòng điện chạy qua bếp là:

A. 15 A

B. 3,3 A

C. 1,65 A

D. 7,5 A

Câu 39: Có ba đèn sợi đốt, đèn I: 6 V – 3 W, đèn II: 3 V – 3 W, đèn III: 3 V – 1,5 W. Khi các đèn sáng bình thường, phát biểu nào sau đây về độ sáng của đèn là đúng?

A. Đèn I và II có cùng độ sáng.

B. Đèn II và III có cùng độ sáng.

C. Đèn I sáng mạnh nhất.

D. Đèn I và III có cùng độ sáng.

Vật lí 9

Câu 40: Một bếp điện khi hoạt động bình thường có điện trở $R = 80 \, \Omega$ và cường độ dòng điện qua bếp khi đó là $I = 2,5 \, \text{A}$. Nhiệt lượng mà bếp tỏa ra trong 1 giây là:

- A. 400 J B. 500 J C. 200 J D. 300 J

Câu 41: Phát biểu nào sau đây là đúng với nội dung của định luật Jun – Lenxơ?

- A. Nhiệt lượng tỏa ra trong một dây dẫn tỉ lệ thuận với bình phương cường độ dòng điện, tỉ lệ thuận với điện trở và thời gian dòng điện chạy qua dây dẫn đó.
B. Nhiệt lượng tỏa ra trong một dây dẫn tỉ lệ thuận với bình phương cường độ dòng điện, tỉ lệ nghịch với điện trở và thời gian dòng điện chạy qua dây dẫn đó.
C. Nhiệt lượng tỏa ra trong một dây dẫn tỉ lệ thuận với điện trở, với hiệu điện thế giữa hai đầu điện trở và thời gian dòng điện chạy qua dây dẫn đó.
D. Nhiệt lượng tỏa ra trong một dây dẫn tỉ lệ thuận với cường độ dòng điện, tỉ lệ thuận với điện trở và thời gian dòng điện chạy qua dây dẫn đó.

Câu 42: Việc làm nào dưới đây là an toàn khi sử dụng điện.

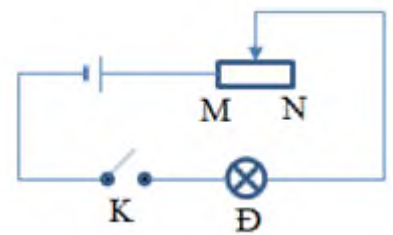
- A. Rút phích cắm đèn bàn khỏi ổ điện khi thay bóng đèn.
B. Mắc nối tiếp cầu chì loại bất kỳ cho mỗi dụng cụ điện.
C. Sử dụng dây dẫn không có vỏ bọc cách điện.
D. Làm thí nghiệm với nguồn điện có hiệu điện thế 45V.

Câu 43: Trong việc làm sau đây, việc làm nào không tuân theo quy tắc an toàn điện?

- A. Lắp cầu chì cho các dụng cụ trong mạch điện gia đình.
B. Các thiết bị sử dụng điện trong gia đình đều dùng ở hiệu điện thế 220 V.
C. Các dây dẫn cao thế đều không có vỏ bọc cách điện.
D. Vỏ kim loại của các thiết bị điện bao giờ cũng cho tiếp đất.

Câu 44: Hiệu điện thế trong mạch điện có sơ đồ dưới được giữ không đổi. Khi dịch chuyển con chạy của biến trở dần về đầu N thì cường độ dòng điện trong mạch sẽ thay đổi như thế nào?

- A. Giảm dần đi B. Tăng dần lên
C. Không thay đổi D. Lúc đầu giảm dần, sau đó tăng dần



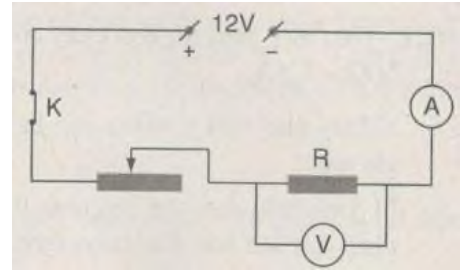
Câu 45: Trên một bóng đèn sợi đốt ghi 12 V – 6 W được mắc nối tiếp với một biến trở có trị số cực đại $R_{\max} = 20 \, \Omega$. Điều chỉnh con chạy C để biến trở có trị số bao nhiêu thì đèn sáng bình thường? Biết nguồn điện có hiệu điện thế 15 V.

- A. 12 Ω B. 6 Ω C. 10 Ω D. 240 Ω

Vật lí 9

Câu 46: Cho mạch điện có sơ đồ như hình bên, nguồn điện có hiệu điện thế không đổi 12 V. Biết ampe kế chỉ 0,3 A, vôn kế chỉ 4,5 V. Khi đó biến trở có trị số là:

- A. 40 Ω B. 15 Ω
C. 55 Ω D. 25 Ω

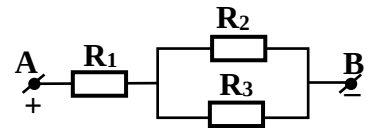


Câu 47: Dây điện trở của một biến trở con chạy được làm bằng hợp kim nikêlin có điện trở suất $\rho = 0,4 \cdot 10^{-6} \Omega \cdot m$, tiết diện $S = 0,5 \text{ mm}^2$ và gồm 398 vòng, quấn quanh một lõi sứ hình trụ đường kính 2 cm. Trị số lớn nhất của biến trở này là:

- A. $\approx 20 \Omega$ B. 15 Ω C. $\approx 5 \Omega$ D. 10 Ω

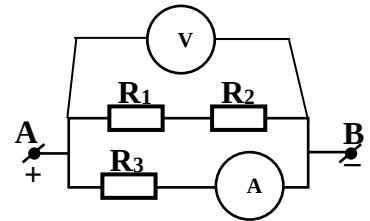
Câu 48: Cho mạch điện có sơ đồ như hình dưới, trong đó các điện trở $R_1 = 9 \Omega$, $R_2 = 15 \Omega$ và $R_3 = 10 \Omega$. Tính điện trở tương đương của đoạn mạch AB:

- A. 34 Ω B. 15 Ω
C. 3,6 Ω D. 39,7 Ω



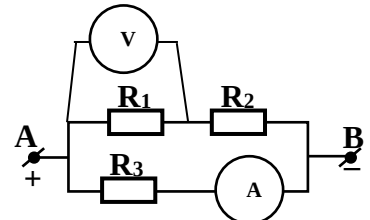
Câu 49: Cho mạch điện có sơ đồ như hình dưới, trong đó các điện trở $R_1 = 12 \Omega$, $R_2 = 2 \Omega$ và $R_3 = 6 \Omega$. Biết số chỉ của ampe kế là 0,35 A. Số chỉ của vôn kế là:

- A. 1,8 V B. 1,9 V
C. 2,0 V D. 2,1 V



Câu 50: Cho mạch điện có sơ đồ như hình dưới, trong đó các điện trở $R_1 = 12 \Omega$, $R_2 = 2 \Omega$ và $R_3 = 6 \Omega$. Biết số chỉ của ampe kế là 0,35 A. Số chỉ của vôn kế là:

- A. 1,8 V B. 1,9 V
C. 2,0 V D. 2,1 V



ĐÁP ÁN

1. B	2. A	3. D	4. C	5. A	6. A	7. C	8. D	9. B	10. C
11. C	12. D	13. A	14. D	15. A	16. A	17. B	18. C	19. B	20. D
21. A	22. D	23. B	24. C	25. B	26. C	27. A	28. C	29. C	30. A
31. A	32. B	33. C	34. A	35. D	36. B	37. C	38. D	39. A	40. B
41. A	42. A	43. C	44. A	45. B	46. D	47. A	48. B	49. D	50. A

B. Học sinh ghi chép lại các câu hỏi thắc mắc, các trở ngại khi thực hiện các nhiệm vụ học tập ra giấy khi không thể tham gia học tập trực tuyến

Trường THCS Nguyễn Thị Thập

Lớp: 9.....

Họ tên học sinh:.....

Vật lí 9

Môn học	Nội dung học tập	Câu hỏi của học sinh
Vật Lý 9	Chủ đề.....	1. 2. 3.....

NHÓM TRƯỞNG VẬT LÝ